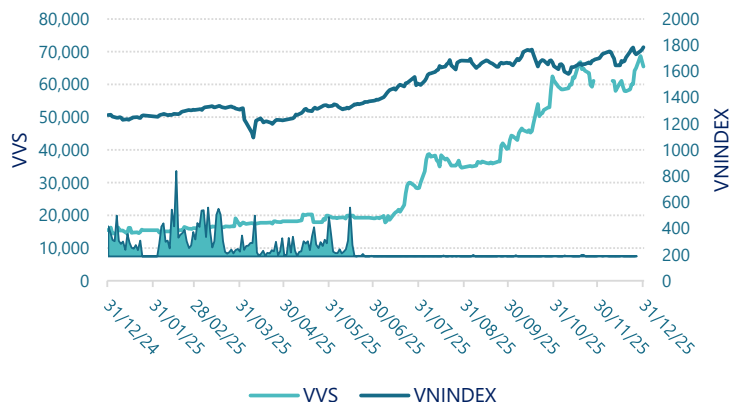




CTCP Đầu tư phát triển máy Việt Nam (HSX: VVS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	65,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	21,525,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	109,265
% sở hữu nước ngoài	2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,410
P/E	4.3
EPS	15,160

DT thuần

Q4/25

2,606

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 376 | 16.9%

YoY: ▲ 1,396 | 115%

LN sau thuế

Q4/25

156

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 67.1 | 75.5%

YoY: ▲ 149 | 2254%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.5%

+/- YoY: ▲ 2.6%

DT thuần

2025

8,051

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4,160 | 107%

LN sau thuế

2025

326

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 258 | 377%

ROE

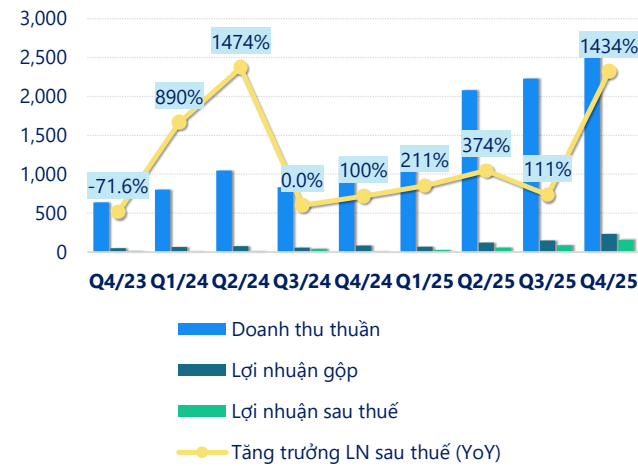
2025

64.6%

+/- YoY: ▲ 43.1%

tỷ VNĐ

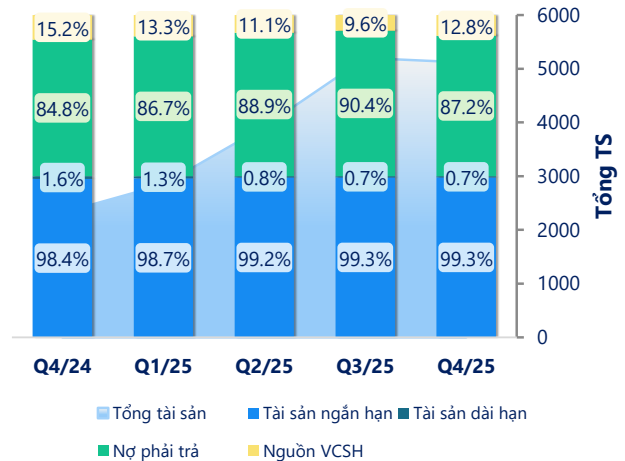
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

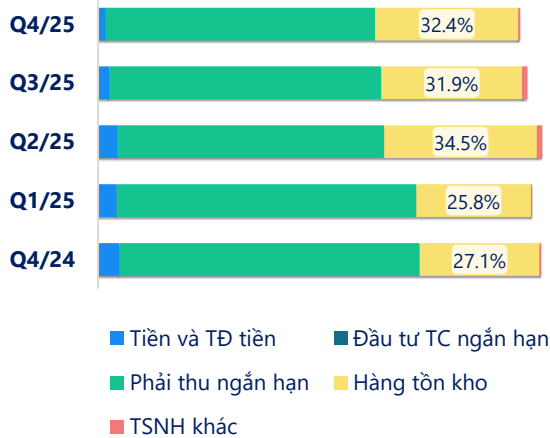
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



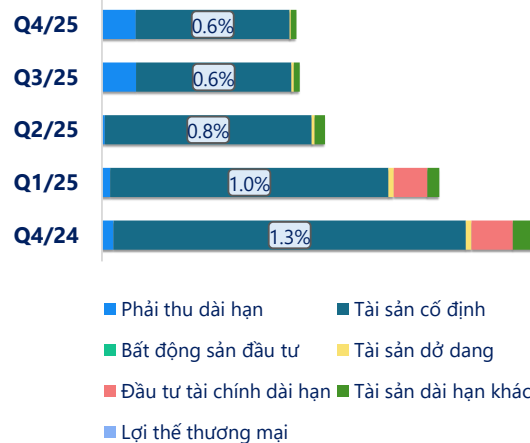
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

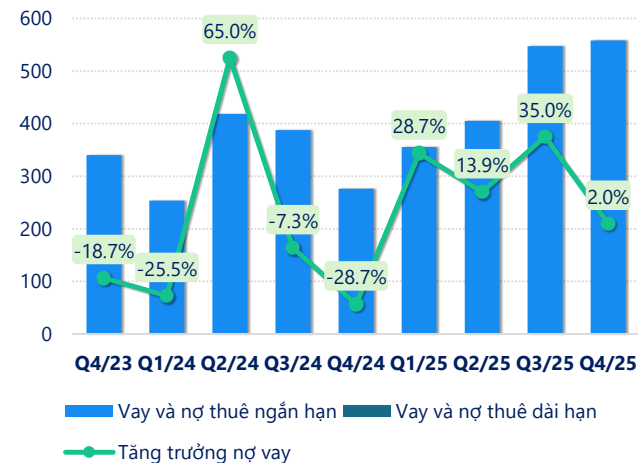
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

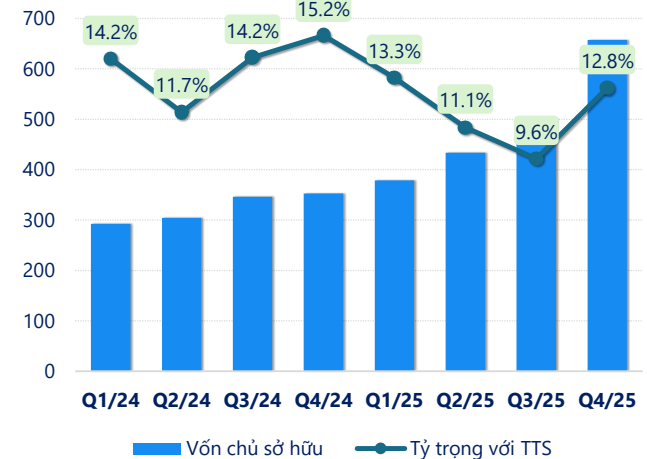
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

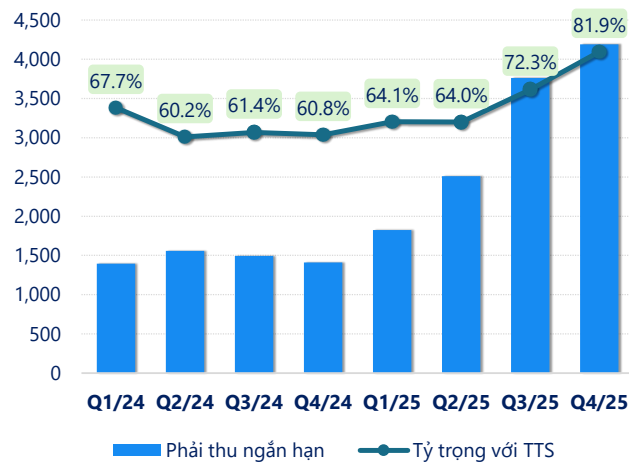
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



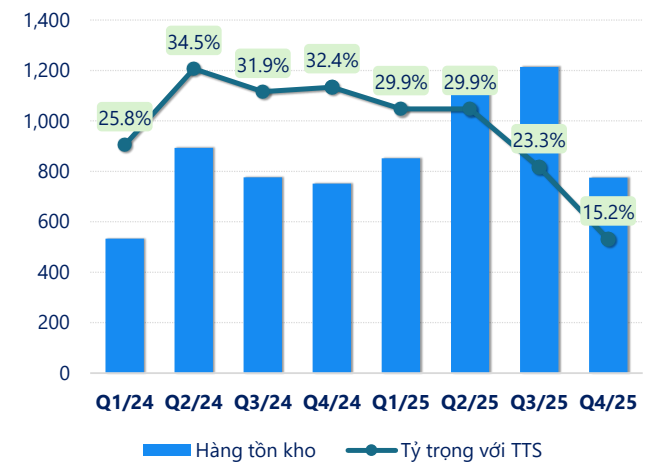
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


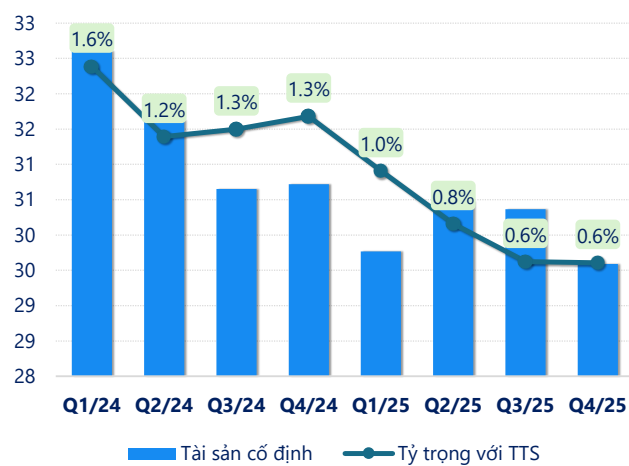
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


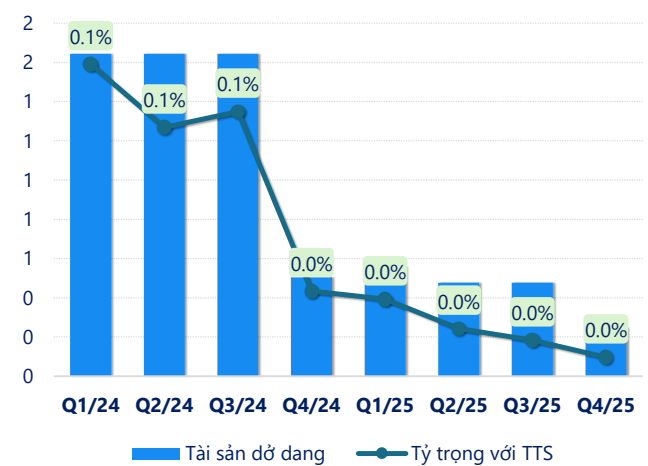
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

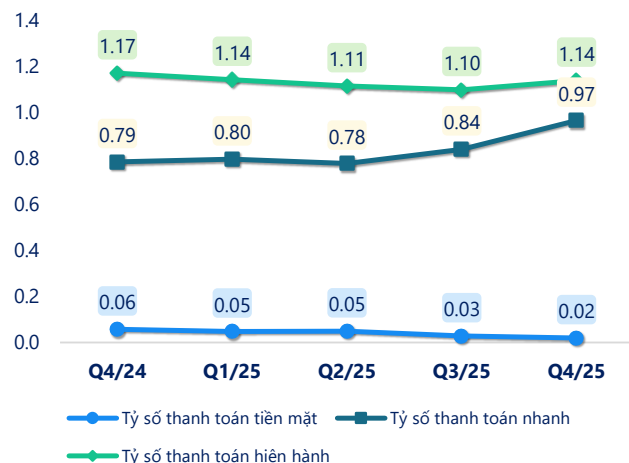
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

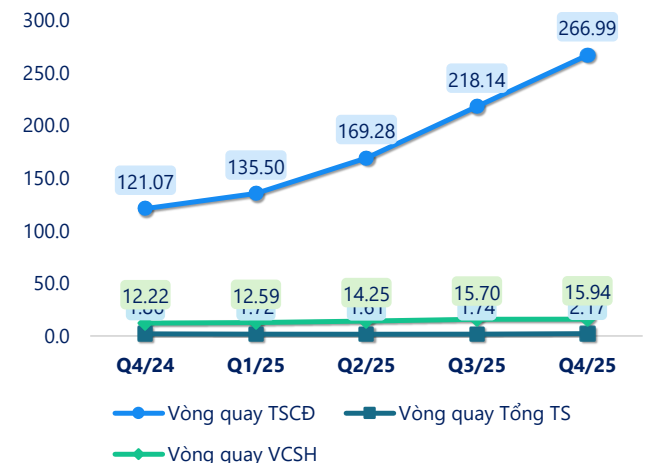
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,318	2,845	3,923	5,201	5,116
Tài sản ngắn hạn	2,281	2,809	3,890	5,162	5,079
Tiền và tương đương tiền	112	119	171	132	87.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	16.0
Phải thu ngắn hạn	1,409	1,823	2,510	3,760	4,192
Hàng tồn kho	751	851	1,175	1,214	776
Tài sản ngắn hạn khác	8.83	16.1	34.1	56.6	7.98
Tài sản dài hạn	37.6	36.1	32.9	38.7	37.5
Phải thu dài hạn	1.01	0.89	0.44	6.68	6.53
Tài sản cố định	30.7	29.8	30.5	30.4	29.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.50	0.56	0.48	0.48	0.25
Đầu tư tài chính dài hạn	3.60	3.60	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.72	1.27	1.53	1.18	1.09
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,966	2,466	3,489	4,700	4,459
Nợ ngắn hạn	1,948	2,458	3,489	4,700	4,459
Vay và nợ thuê ngắn hạn	276	356	405	547	558
Phải trả người bán ngắn hạn	1,354	1,788	2,703	3,684	3,269
Nợ dài hạn	17.3	8.31	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	353	379	434	501	657
Vốn chủ sở hữu	353	379	434	501	657
Vốn điều lệ	215	215	215	215	215
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)